

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **541** /QĐ-UBND

Krông Pa, ngày **24** tháng **7** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
V/v điều chỉnh giao chỉ tiêu biên chế viên chức năm 2018

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định 21/2010/NĐ-CP ngày 08/03/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND ngày 22/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định quản lý công tác tổ chức cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Gia Lai;

Thực hiện Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của UBND tỉnh về phân bổ chỉ tiêu biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP cho các sở ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh năm 2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giao chỉ tiêu biên chế viên chức (số lượng người làm việc) năm 2018 cho các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện:

Tổng biên chế viên chức (số lượng người làm việc) là **1.215** biên chế. Trong đó: Biên chế viên chức là **1.159**; Biên chế hợp đồng Nghị định 68/2000/NĐ-CP là **56**;
(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào chỉ tiêu biên chế được giao. Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm quản lý và sử dụng hiệu quả chỉ tiêu biên chế của đơn vị, hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ, khối lượng công việc được giao.

Giao phòng Nội vụ và phòng Tài chính - Kế hoạch huyện hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch biên chế, điều chỉnh quỹ tiền lương và kinh phí cho các đơn vị sự nghiệp thuộc huyện.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Nội vụ huyện, Trưởng phòng Tài chính-KH huyện, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này thay thế các quyết định giao biên chế trước đây và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Tô Văn Chánh

BẢNG PHÂN BỐ LẠI BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP (SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC) NĂM 2018
(Kèm theo Quyết định số 541.../QĐ-UBND ngày 24...7.../2018 của UBND huyện)

STT	Cơ cấu tổ chức bộ máy	Biên chế huyện giao năm 2017			Biên chế tỉnh giao năm 2018			Có mặt đến 07/2018			Phân bổ lại biên chế năm 2018			Tăng giảm so với phân bổ đầu năm 2017			Ghi chú
		Tổng số	Biên chế	HĐLĐ theo ND 68	Tổng số	Biên chế	HĐLĐ theo ND 68	Tổng số	Biên chế	HĐLĐ theo ND 68	Tổng số	Biên chế	HĐLĐ theo ND 68	Tổng số	Biên chế	HĐLĐ theo ND 68	
	<i>1</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>13</i>	<i>14</i>	<i>15</i>	<i>17</i>	<i>18</i>	<i>19</i>	<i>21</i>
I	Sự nghiệp Giáo dục	1158	1103	55	1215	1159	56	1115	1074	41	1160	1105	55	2	2	0	
1	Sự nghiệp giáo dục (Phòng Giáo dục-ĐT)	1138	1086	52				1100	1061	39	1140	1088	52	2	2	0	
2	Trung tâm giáo dục NN-GDTX	20	17	3				15	13	2	20	17	3	0	0	0	
II	Sự nghiệp Văn hóa thông tin	25	24	1				15	14	1	24	23	1	-1	-1	0	
1	Phòng Văn hóa TT	11	10	1				7	6	1	10	9	1	-1	-1	0	
2	Đài Truyền thanh-TH	14	14					8	8		14	14		0	0	0	
III	Sự nghiệp khác	16	16					6	6		12	12		-4	-4	0	
1	Định canh định cư (Phòng Dân tộc)	1	1					1	1		3	3		2	2	0	
2	Định canh định cư (Phòng Nông nghiệp)	2	2					2	2					-2	-2	0	
3	Trạm khuyến nông	6	6					1	1		5	5		-1	-1	0	
4	Công tác Lưu trữ (Phòng Nội vụ)	4	4		1	1		4	4		0	0	0				
5	Hội chữ thập đỏ	3	3		1	1					-3	-3	0				
IV	Sự nghiệp Y tế	19	19		17	17		19	19		0	0	0				
1	Trung tâm Dân số & KHHGD	19	19		17	17		19	19		0	0	0				
	Tổng cộng:	1218	1162	56	1215	1159	56	1153	1111	42	1215	1159	56	-3	-3	0	